

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Dạng đầy đủ
Quý III năm 2011

Đvt: triệu đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.13	4.678.387	1.919.753	12.986.923	4.701.740
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.14	(3.234.533)	(1.121.731)	(9.290.708)	(2.748.219)
I	Thu nhập thuần từ lãi		1.443.854	798.023	3.696.215	1.953.521
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		124.968	87.640	504.443	238.208
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ		(32.016)	(21.788)	(87.721)	(57.892)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		92.952	65.851	416.721	180.316
III	Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		(18.702)	20.397	(47.999)	80.301
IV	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	VI.15	-	311	-	(195)
V	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.16	(316)	(21.074)	(1.620)	(27.669)
5	Thu nhập từ hoạt động khác		7.020	90.883	10.549	111.441
6	Chi phí từ hoạt động khác		(27)	(41)	(49)	(57)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác		6.993	90.841	10.500	111.384
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.17	60	16.241	(50.096)	29.198
VIII	Chi phí hoạt động	VI.18	(473.128)	(263.170)	(1.168.444)	(685.432)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.051.713	707.420	2.855.276	1.641.425
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(42.585)	(18.147)	(164.167)	(40.936)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		1.009.128	689.273	2.691.110	1.600.489
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(252.907)	(169.854)	(673.370)	(381.573)
8	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	13.244
XII	Chi phí thuế TNDN		(252.907)	(169.854)	(673.370)	(368.329)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		756.221	519.419	2.017.740	1.232.160
XIV	Lợi ích của cổ đông thiểu số					
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu					

TP.HCM, ngày 17 tháng 11 năm 2011

LẬP BẢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Tuấn Khiêm


Nguyễn Hồ Hoàng Vũ




ĐINH THỊ THU THẢO